**Phụ lục 2**

**Phiếu xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng tiêu chí**

**thuộc Mức 1, 2 và 3**

**Nhóm công tác hoặc cá nhân: Nhóm 5**

**Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục**

*Tiêu chí 6: Kết quả giáo dục*

Mức 1:

- Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

- Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

- Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

- Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

- Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

- Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

| **Tiêu chí**  **5.6** | **Nội hàm** | **Các câu hỏi đặt ra**  **(ứng với mỗi nội hàm)** | **Minh chứng** | | | **Ghi chú** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cần thu thập** | **Nơi thu thập** |  | |
| Mức 1 |  |  |  |  |  | |
| a | Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường. |  | - Sổ ghi kế hoạch giảng dạy và ghi chép sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, thăm lớp;  - Sổ ghi kế hoạch hoạt động chuyên môn và nội dung các cuộc họp chuyên môn;  - Báo cáo sơ kết, tổng kết;  - Sổ chủ nhiệm;  - Sổ gọi tên, ghi điểm.  - Các hình ảnh, tư liệu liên quan. |  |  | |
| b | Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường. |  | - Sổ ghi kế hoạch giảng dạy và ghi chép sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, thăm lớp;  - Sổ ghi kế hoạch hoạt động chuyên môn và nội dung các cuộc họp chuyên môn;  - Báo cáo sơ kết, tổng kết;  - Sổ chủ nhiệm;  - Sổ gọi tên, ghi điểm.  - Các hình ảnh, tư liệu liên quan. |  |  | |
| c | Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường. |  | - Sổ ghi kế hoạch giảng dạy và ghi chép sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, thăm lớp;  - Sổ ghi kế hoạch hoạt động chuyên môn và nội dung các cuộc họp chuyên môn;  - Báo cáo sơ kết, tổng kết;  - Sổ chủ nhiệm;  - Sổ gọi tên, ghi điểm.  - Các hình ảnh, tư liệu liên quan. |  |  | |
| Mức 2 |  |  |  |  |  | |
| a | Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá. |  | - Sổ ghi kế hoạch giảng dạy và ghi chép sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, thăm lớp;  - Sổ ghi kế hoạch hoạt động chuyên môn và nội dung các cuộc họp chuyên môn;  - Báo cáo sơ kết, tổng kết;  - Sổ chủ nhiệm;  - Sổ gọi tên, ghi điểm.  - Các hình ảnh, tư liệu liên quan. |  |  | |
| b | Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá. |  | - Sổ ghi kế hoạch giảng dạy và ghi chép sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, thăm lớp;  - Sổ ghi kế hoạch hoạt động chuyên môn và nội dung các cuộc họp chuyên môn;  - Báo cáo sơ kết, tổng kết;  - Sổ chủ nhiệm;  - Sổ gọi tên, ghi điểm.  - Các hình ảnh, tư liệu liên quan. |  |  | |
| Mức 3 |  |  |  |  |  | |
| a | - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;  - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;  - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;  - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;  - Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;  - Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;  - Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;  - Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên. |  | - Sổ ghi kế hoạch giảng dạy và ghi chép sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, thăm lớp;  - Sổ ghi kế hoạch hoạt động chuyên môn và nội dung các cuộc họp chuyên môn;  - Báo cáo sơ kết, tổng kết;  - Sổ chủ nhiệm;  - Sổ gọi tên, ghi điểm.  - Các hình ảnh, tư liệu liên quan. |  |  | |
| b | - Vùng khó khăn: Không quá 3% học sinh bỏ học, không quá 5% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;  - Các vùng còn lại: Không quá 1% học sinh bỏ học, không quá 2% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học. |  | - Sổ ghi kế hoạch giảng dạy và ghi chép sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, thăm lớp;  - Sổ ghi kế hoạch hoạt động chuyên môn và nội dung các cuộc họp chuyên môn;  - Báo cáo sơ kết, tổng kết;  - Sổ chủ nhiệm;  - Sổ gọi tên, ghi điểm.  - Các hình ảnh, tư liệu liên quan. |  |  | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Xác nhận của trưởng nhóm công tác** | *Kiên Giang, ngày 05 tháng 12 năm 2022*  **Người viết** *(Ký tên)* |